TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày: 21/04/2023
"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Kiều.

Ông Nguyễn Hồng Thơ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/03/2023 và 21/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Thông báo về việc mở lại phiên toà xét xử sơ thẩm số 05/2023/TB-HĐXX ngày 27 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn Ng, Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 66, đường Điện Biên Ph, tổ 28, khóm Mỹ Tr, Phường Mỹ Ph, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Ng là: Anh Hồ Thanh Tr, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 66, đường Điện Biên Ph, tổ 28, khóm Mỹ Tr, Phường Mỹ Ph, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản uỷ quyền ngày 15/12/2022).

- Bị đơn:

1. Nguyễn Ngọc Tuấn Kh, sinh năm 1984.

2. Nguyễn Thị Bé Ng, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Tổ 36, khóm 4, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng

Tháp.

(*Anh Hồ Thanh Tr là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; anh Nguyễn Ngọc Tuấn Kh và chị Nguyễn Thị Bé Ng vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Công ty TNHH B (có anh Hồ Thanh Tr là người đại diện theo uỷ quyền) trình bày:**

Vào ngày 07/6/2018, anh Kh và chị Ng có ký 02 hợp đồng gồm:

- Hợp đồng số BE00321/HĐTC – CC, ngày 07/6/2018 vay số tiền là 20.000.000 đồng, từ ngày 08/6/2018 đến ngày 05/9/2018, thời gian góp là 90 ngày, lãi suất 1.245%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1.8675%/tháng, hình thức cho vay trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày.

Tính đến hết ngày 17/6/2022, anh Khanh và chị Ngoan đã góp được 10 ngày (từ ngày 08/6/2018 đến ngày 17/6/2018) số tiền là 2.440.000 đồng (gốc là 2.222.000 đồng, lãi 218.000 đồng).

Từ ngày 18/6/2018 đến ngày 05/9/2018, anh Kh và chị Ng không tiếp tục góp nữa. Như vậy, tổng số tiền anh Kh và chị Ng còn nợ công ty số tiền gốc là 17.778.000 đồng.

Đồng thời, yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 18/6/2018 đến ngày 21/4/2023, lãi suất 1,245%/tháng (là 1.689 ngày) số tiền lãi là 12.461.222 đồng.

Tổng gốc và lãi số tiền là 30.829.452 đồng.

- Hợp đồng số CT00382/HĐTC – CC, ngày 07/6/2018 vay số tiền là 25.000.000 đồng, từ ngày 08/6/2018 đến ngày 05/9/2018, thời gian góp là 90 ngày, lãi suất 1.245%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1.8675%/tháng, hình thức cho vay trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày.

Tính từ ngày 08/6/2018 đến ngày 17/6/2018, anh Kh và chị Ng đã góp được 10 ngày số tiền là 3.050.000 đồng (gốc 2.777.500 đồng, lãi 272.500 đồng).

Từ ngày 18/6/2018 đến ngày 05/9/2018 anh Kh và chị Ng không tiếp tục góp nữa. Như vậy, tổng số tiền anh Kh và chị Ng còn nợ công ty số tiền gốc là 22.222.500 đồng.

Đồng thời, yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 18/6/2018 đến ngày 21/4/2023, lãi suất 1,245%/tháng (là 1.689 ngày) số tiền lãi là 15.576.528 đồng.

Tổng gốc và lãi số tiền là 38.536.815 đồng.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi của hai khoản vay là 30.829.452 đồng + 38.536.815 đồng = 69.366.267 đồng.

Đối với lãi quá hạn của 02 khoản vay Công ty TNHH Vạn Thiên Phước Long rút lại đối với yêu cầu này.

Trong thời gian anh Kh và chị Ng vay tiền có cầm cố chiếc xe máy hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 66F1 – 832.57, số khung 1710GY116501, số máy

E3T6E172899 theo hợp đồng số CT00382, ngày 07/6/2018 cho Công ty và Công ty có làm biên bản cho anh Kh và chị Ng mượn xe lại để làm phương tiện đi lại.

Nay Công ty TNHH B yêu cầu buộc anh Nguyễn Ngọc Tuấn Kh và chị Nguyễn Thị Bé Ng liên đới trả số tiền gốc và lãi của 02 khoản vay là 69.366.267 đồng.

Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 22/4/2023 cho đến khi anh Kh và chị Ng trả xong nợ.

Đối với chiếc xe máy hiệu YAMAHA SIRIUS, biển số 66F1 – 832.57, số khung 1710GY116501, số máy E3T6E172899 theo hợp đồng số CT00382, ngày 07/6/2018 anh Kh và chị Ng đã cầm cố cho Công ty và công ty có làm biên bản cho anh Kh và chị Ng mượn lại xe để làm phương tiện đi lại nên Công ty không yêu cầu xử lý tài sản.

*** Theo biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2022, chị Nguyễn Thị Bé Ng khai:**

Chị Ng là vợ của anh Kh, chị Ng không có vay tiền của Công ty TNHH B mà người vay tiền là anh Kh. Chị Ng có nghe anh Kh nói có vay số tiền 20.000.000 đồng và cầm cố chiếc xe SIRIUS, chiếc xe do anh Kh đứng tên. Hiện nay, chiếc xe chị Ng đang quản lý và sử dụng. Chị Ng không biết anh Kh vay tiền để làm gì, chị Ng có nghe anh Kh nói có đóng lãi cho Công ty B, 10 ngày anh Kh đóng lãi một lần với số tiền 5.000.000 đồng. Anh Kh có đóng lãi nhiều lần sau đó có vay lại số tiền 20.000.000 đồng và đóng lãi được 2 lần, mỗi lần đóng số tiền là 5.000.000 đồng. Anh Kh có chở chị Ng đi công việc sau đó chở chị Ng đến gặp anh Ng ở ngoài đường để đóng lãi một lần.

Chị Ng không thừa nhận chữ ký trong phiếu chi ngày 07/6/2018 và tờ trình ngày cầm cố kiêm thẩm định tài sản ngày 07/6/2018; Biên bản giao nhận hồ sơ cầm cố, giấy đề nghị cầm cố trả góp ngày 07/6/2018 là của chị Ng vì chị Ng không biết chữ nhưng chị Ng có biết chữ "Bé" trong họ tên của chị Ng còn lại các chữ khác chị Ng không biết.

Nay chị Ngoan không đồng ý liên đới trả nợ cùng với anh Khanh vì chị Ngoan không có vay tiền của Công ty TNHH B và hiện nay chị Ng và anh Kh không còn sống chung với nhau.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Ngọc Tuấn Kh và chị Nguyễn Thị Bé Ng là bị đơn nhưng anh Kh và chị Ng vắng mặt không có lý do. Đồng thời, anh Kh cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc Công ty TNHH B khởi kiện đối với số tiền vay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của

Công Ty TNHH B, không chấp nhận yêu cầu buộc anh Kh và chị Ng liên đới trả số tiền gốc và lãi.

Về lãi suất: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ đối với phần yêu cầu tiền lãi quá hạn của Công ty TNHH B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Công ty TNHH B và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Tuấn Kh và chị Nguyễn Thị Bé Ng có địa chỉ tại tổ 36, khóm 4, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Ngọc Tuấn Kh và chị Nguyễn Thị Bé Ng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B yêu cầu anh Nguyễn Ngọc Tuấn Kh và chị Nguyễn Thị Bé Ng liên đới trả cho Công ty TNHH B số tiền gốc và lãi của 02 khoản vay là 69.366.267 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng số BE00321/HĐTC – CC, ngày 07/6/2018 vay số tiền là 20.000.000 đồng, từ ngày 08/6/2018 đến ngày 05/9/2018, thời gian góp là 90 ngày, lãi suất 1.245%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1.8675%/tháng, hình thức cho vay trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày và hợp đồng số CT00382/HĐTC – CC, ngày 07/6/2018 vay số tiền là 25.000.000 đồng, từ ngày 08/6/2018 đến ngày 05/9/2018, thời gian góp là 90 ngày, lãi suất 1.245%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1.8675%/tháng, hình thức cho vay trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày.

Từ khi anh Kh và chị Ng vay 02 khoản tiền trên thì anh Kh và chị Ng có thực hiện trả gốc và lãi cụ thể của các khoản vay như sau:

+ Đối với khoản vay 20.000.000 đồng, từ khi vay đến nay anh Kh và chị Ng trả được số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 17/6/2022, anh Kh và chị Ng đã góp được 10 ngày (từ ngày 08/6/2018 đến ngày 17/6/2018) số tiền là 2.440.000 đồng (gốc là 2.222.000 đồng, lãi 218.000 đồng).

Từ ngày 18/6/2018 đến ngày 05/9/2018, anh Kh và chị Ng không tiếp tục góp nữa.

+ Đối với khoản vay 25.000.000 đồng, từ khi vay đến nay anh Kh và chị Ng trả được số tiền gốc và lãi tính từ ngày 08/6/2018 đến ngày 17/6/2018, anh Kh và chị Ng đã góp được 10 ngày số tiền là 3.050.000 đồng (gốc 2.777.500 đồng, lãi 272.500 đồng).

Từ ngày 18/6/2018 đến ngày 05/9/2018 anh Kh và chị Ng không tiếp tục góp nữa.

Đồng thời, theo biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2022, chị Nguyễn Thị Bé Ng khai chị Ng có biết anh Kh có vay tiền của Công ty TNHH B và anh Kh có trả gốc và lãi cho Công ty TNHH B, chị Ng cũng biết anh Kh có cầm cố chiếc xe máy hiệu Sirius mà chiếc xe hiện nay chị Ng đang quản lý và sử dụng. Chị Ng có cùng anh Kh đi đóng lãi một lần cho anh Ng là giám đốc Công ty TNHH B. Tuy, chị Ng không thừa nhận chữ ký nhưng chị Ng không có chứng cứ chứng minh thể hiện chị Ng không biết chữ và chữ ký trong các tài liệu, chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp không phải là chữ ký của chị Ng.

Từ những nhận định nêu, Công ty TNHH B yêu cầu anh Nguyễn Ngọc Tuấn Kh và chị Nguyễn Thị Bé Ng liên đới trả số tiền gốc của 02 khoản vay số tiền là 40.000.500 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với lãi suất trong hạn: Công ty TNHH B yêu cầu trả tiền lãi trong hạn của hai khoản vay từ ngày 18/6/2018 đến ngày 21/4/2023 số tiền là 28.037.750 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng số BE00321/HĐTC – CC, ngày 07/6/2018 và Hợp đồng số CT00382/HĐTC – CC, ngày 07/6/2018 thì giữa Công ty TNHH B và anh Kh, chị Ng có thoả thuận lãi suất 1,245%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Công ty TNHH B yêu cầu tính lãi suất của 02 khoản vay từ ngày 18/6/2018 đến ngày 21/4/2023 số tiền là 28.037.750 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với tiền lãi quá hạn của hai khoản nợ Công ty B rút lại đối với yêu cầu nay nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[2.4] Đối với chiếc xe máy hiệu YAMAHA SIRIUS, biển số 66F1 – 832.57, số khung 1710GY116501, số máy E3T6E172899 theo hợp đồng số CT00382, ngày 07/6/2018 anh Kh và chị Ng đã cầm cố cho Công ty và công ty có làm biên bản cho anh Kh và chị Ng mượn lại xe để làm phương tiện đi lại nên Công ty không yêu cầu xử lý tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B nên anh Kh và chị Ng phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.468.313 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty TNHH B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.045.000 đồng

theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011786 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B là phù hợp với một phần nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B về việc yêu cầu anh Nguyễn Ngọc Tuấn Kh và chị Nguyễn Thị Bé Ng liên đới trả số tiền gốc và lãi là 69.366.267 đồng (sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng).

2. Buộc anh Nguyễn Ngọc Tuấn Kh và chị Nguyễn Thị Bé Ng phải liên đới trả cho Công ty TNHH B số tiền gốc và lãi là 69.366.267 đồng (sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng).

3. Đình chỉ đối với yêu cầu lãi suất quá hạn của Công ty TNHH B.

Kể từ ngày 22/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc Tuấn Kh và chị Nguyễn Thị Bé Ng phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.468.313 đồng (ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm mười ba đồng).

Công ty TNHH B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.045.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011786 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huế